

Số: 4130/GPMT-UBND

Mai Sơn, ngày 06 tháng 11 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 07/4/2022 của UBND huyện Mai Sơn về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mai Sơn;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La tại Văn bản số 523/CV-CNSL ngày 06 tháng 8 năm 2024 và Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường Trạm 19/5 - Xí nghiệp cấp nước Mai Sơn, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 638/Tr-TNMT ngày 06 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty cổ phần cấp nước Sơn La, địa chỉ số 55, đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, Việt Nam, được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Trạm 19/5 - Xí nghiệp cấp nước Mai Sơn” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Trạm 19/5 – Xí nghiệp cấp nước Mai Sơn.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tiểu khu 19/5, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5500154649; đăng ký lần đầu ngày 18/4/2005, thay đổi lần thứ 7 ngày 07/01/2021 do Phòng đăng ký kinh

doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất nước thương phẩm.

1.5. Phạm vi quy mô, công suất

- Quy mô cơ sở: Tổng diện tích của dự án 1.293 m². Dự án nhóm C (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

- Công suất: 1.200m³/ngàyđêm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và các yêu cầu bảo vệ môi trường tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Thực hiện yêu cầu quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần cấp nước Sơn La có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (*từ ngày 06 tháng 11 năm 2024 đến ngày 06 tháng 11 năm 2034*).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mai Sơn phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội

dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần cấp nước Sơn La;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- UBND xã Cò Nòi;
- Cổng Thông tin điện tử huyện (công bố)
- Lưu: VT, TNMT, hồ sơ (Lan).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Sơn Hải

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 4130/GPMT-UBND ngày 06/11/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Mai Sơn)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt.

Nguồn số 02: Nước thải sản xuất.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Nguồn số 01: Sau khi xử lý được dẫn ra ra hệ thống thoát nước chung của khu vực bằng đường ống PVC Ø110.

Nguồn số 2: Sau khi xử lý qua bể lắng tự chảy vào rãnh thoát nước chung.

2.2. Vị trí xả nước thải

Nguồn tiếp nhận nước thải: Nguồn số 01 sau khi được xử lý đảm bảo QCVN hiện hành được chảy ra hệ thống thoát nước chung đường Quốc lộ 6; Nguồn số 02 sau khi qua bể lắng đạt QCVN 40:2011/TNMT cột B- C_{max} và tự chảy ra hệ thống thoát nước chung của đường Quốc lộ 6. 02 vị trí xả thải có tọa độ: X = 2339775; Y = 514250 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 104^0 , múi chiếu 3^0).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất

Lưu lượng xả nước thải tối đa nguồn 01: $0,1m^3/ngày.đêm$.

Lưu lượng xả nước thải tối đa nguồn 02: $15m^3/ngày.đêm$.

2.3.1. Phương thức xả thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24h/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật bảo vệ môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

Nước thải sinh hoạt: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo từng dòng nước thải: Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B - C_{max} với $K = 1$; Đối với các thông số pH, Tổng Coliforms áp dụng $C_{max} = C$.

Nước thải sản xuất đầu ra đạt QCVN 40:2011/TNMT cột B- C_{max} – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN40:2011 /BTNMT Cột B	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5,5 đến 9	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục hoặc quan trắc định kỳ theo điều 97 – Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	54	
3	COD	mg/l	162	
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	108	
5	Mangan	mg/l	1,08	
6	Sắt	mg/l	5,4	
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	10,8	
8	Tổng nitơ	mg/l	43,2	
9	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6,48	
10	Clo dư	mg/l	2,16	
11	Sunfua	mg/l	0,54	
12	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10,8	
13	Coliform	vi khuẩn/100ml	5000	

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp. Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải công nghiệp khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước biển ven bờ).

- Nồng độ tối đa (C_{max}) cho phép được tính theo công thức $C_{max} = C \times K$, trong đó C là nồng độ của các thông số ô nhiễm được quy định trong Quy chuẩn này, $K_f = 1,2$, $K_q = 0,9$. Không áp dụng công thức tính nồng độ tối đa cho phép trong nước thải cho thông số pH và tổng Coliforms.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- **Đối với nước mưa chảy tràn:** Hệ thống thu gom nước mưa bao gồm mạng lưới rãnh thoát nước bố trí dọc nhà trạm và các công trình phụ trợ bên trong cơ sở; Hệ thống rãnh thoát nước mưa gồm các rãnh hở và các rãnh nắp đậy đan đục lỗ được xây bằng gạch + vữa xi măng. Chiều dài tuyến thu gom nước mưa của nhà máy khoảng 200m.

- **Đối với nước thải sinh hoạt:** Nước thải sinh hoạt phát sinh tại nhà điều hành được thu gom vào 01 bể tự hoại 3 ngăn đặt dưới chân công trình, sau đó sau đó tự chảy ra hệ thống thoát nước chung bằng đường ống D110. Nguồn nước sử dụng cho sinh hoạt (01 người) là nguồn nước tại trạm

- **Đối với nước thải sản xuất:** Nước thải sản xuất phát sinh trong công đoạn xử lý nước, rửa bình lọc... nước thải này được dẫn về bể lắng 3 ngăn có dung tích $8,16\text{m}^3$ (*dung tích do Chủ cơ sở cung cấp*); nước sau bể lắng tự chảy qua đường ống tới rãnh thoát nước đường Quốc lộ 6.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

Nước thải từ nhà vệ sinh có lưu lượng là $0,1\text{ m}^3/\text{ngày}$ được thu gom và dẫn theo đường ống nhựa PVC Ø110 tới bể tự hoại 3 ngăn thể tích 5m^3 kích thước $2,5\text{m} \times 2\text{m} \times 1\text{m}$ đặt ngầm dưới đất để xử lý.

1.2.2. Công trình xử lý nước thải sản xuất

Phát sinh từ công đoạn xử lý nước, rửa bồn lọc, rửa bể lắng... được thu gom bằng đường ống PVC D110 dài 15m về bể lắng 3 ngăn dung tích $17,5\text{m}^3$ bằng bê tông, sau đó tự chảy ra hệ thống thoát nước chung.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không. Lý do: Cơ sở thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt, sản xuất phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

Đảm bảo tách riêng hệ thống thu gom thoát nước mưa với hệ thống thu gom, xử lý nước thải. Tuyệt đối không được phép xả nước thải chưa qua xử lý hoặc xử lý không đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn ra ngoài môi trường.

3.3. Công ty cổ phần cấp nước Sơn La chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường. Bồi thường thiệt hại trong trường hợp gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước, vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường, nguồn nước.

Phụ lục II
ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4130/GPMT-UBND ngày 06/11/2024
của Ủy ban nhân dân huyện Mai Sơn)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- + Nguồn số 01: Bồn lọc áp lực.
- + Nguồn số 02: Trạm bơm cấp nước.

2. Tiếng ồn, độ rung phải đáp ứng đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau

2.1. Tiếng ồn

TT	Khu vực	Đơn vị	QCVN 26:2010/BTNMT (từ 6h - 21h)	QCVN 26:2010/BTNMT (từ 21h - 6h)
1	Khu vực thông thường	dBA	70	55

2.2. Độ rung

TT	Khu vực	Đơn vị	QCVN 27:2010/BTNMT (từ 6h - 21h)	QCVN 27:2010/BTNMT (từ 21h - 6h)
1	Khu vực thông thường	dBA	70	55

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Trang thiết bị, phương tiện sản xuất được trang bị, lắp đặt theo đúng thiết kế. Quản lý chặt chẽ việc vận hành các máy móc, thiết bị theo đúng quy trình kỹ thuật. Lắp đặt đế cao su để giảm độ rung, độ ồn.

- Trồng cây xanh xung quanh dự án nhằm giảm ồn, bụi, khí thải và tạo cảnh quan chung cho toàn bộ dự án.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

Phụ lục III
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4130/GPMT-UBND ngày 06/11/2024
của Ủy ban nhân dân huyện Mai Sơn)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên CTNH	Mã CTNH theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT	Đơn vị	Số lượng	Phương án xử lý
1	Hóa chất thí nghiệm test nhanh	191001	kg/năm	2	Hợp đồng với đơn vị đủ chức năng xử lý
2	Các loại dầu mỡ thải từ quá trình bảo dưỡng máy móc thiết bị tại cơ sở.	16 01 08	Kg/lần	1	Hợp đồng với đơn vị đủ chức năng xử lý (phát sinh trong công đoạn sửa chữa, bảo dưỡng)
3	Giẻ lau nhiễm dầu mỡ	18 02 01	Kg/lần	2	Hợp đồng với đơn vị đủ chức năng xử lý (phát sinh trong công đoạn sửa chữa, bảo dưỡng)
	Tổng			5	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

1.3. Chất thải rắn thông thường

- Bùn thải từ bể tự hoại: Thuê đơn vị có chức năng đến để hút, vận chuyển đi xử lý.

- Bùn thải từ hệ thống thu gom nước mưa: Định kỳ 1 năm/lần sẽ tiến hành nạo vét. Lượng bùn thải này chủ yếu là bùn đất từ bề mặt.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Định kỳ 1 tháng/lần sẽ tiến hành nạo vét bón cho cây trồng trong khuôn viên.

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 0,5 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

* Thiết bị lưu chứa: Chất thải nguy hại được thu gom vào 01 thùng chứa dung tích 10 lít, can nhựa 5 lít đảm bảo kín khít, không rò rỉ ra môi trường xung quanh.

* Vị trí lưu chứa: tại 01 vị trí trong phòng máy, đảm bảo kín không thấm thấu tránh mưa. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. *Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:* Nhà máy sẽ bố trí 03 thùng rác dung tích 50 lít; công nhân trực thực hiện phân loại, vận chuyển 01 lần/ngày đến vị trí tập kết của địa phương.

Phụ lục IV CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4130/GPMT-UBND ngày 06/11/2024
của Ủy ban nhân dân huyện Mai Sơn)*

Đảm bảo tính chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, các vấn đề về môi trường và kết quả tính toán trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án.

Công khai giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.

Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

Công ty Cổ phần cấp nước Sơn La chịu mọi trách nhiệm theo quy định pháp luật nếu để xảy ra các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; Phối hợp với cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương giải quyết những kiến nghị, khiếu nại về môi trường do ảnh hưởng của Trạm cấp nước.

Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, chương trình quan trắc, phòng ngừa các rủi ro, sự cố môi trường trong quá trình hoạt động; thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định.

Cam kết các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường hoàn thành và vận hành theo đúng quy định.

Cam kết bồi thường và khắc phục ô nhiễm môi trường trong các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do hoạt động của nhà máy.

Cam kết giải quyết các khiếu kiện của cộng đồng về những vấn đề môi trường của nhà máy theo quy định của pháp luật.